

KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ

TRẦN THỊ THỦY THƯƠNG NGỌC

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Ở bậc đại học, hoạt động tự học có vai trò quan trọng đối với kết quả và chất lượng học tập của sinh viên. Tuy nhiên trong quá trình tự học, sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu học tập, kỹ năng ghi chép, kỹ năng đọc, kỹ năng xác định vấn đề cơ bản khi đọc tài liệu... Nghiên cứu được tiến hành với 200 sinh viên khoa Giáo dục Mầm non, trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế cho thấy khó khăn tâm lý trong hoạt động tự học của sinh viên tương đối cao và có nhiều nguyên nhân. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đề xuất một số biện pháp giúp sinh viên giảm bớt khó khăn về mặt tâm lý trong hoạt động tự học và đồng thời góp phần nâng cao chất lượng học tập ở sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

Từ khóa: hoạt động tự học; khó khăn trong hoạt động tự học

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển năng lực tự học cho sinh viên có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng đào tạo ở bậc đại học [1]. Nhiều nghiên cứu cho thấy, chỉ có tự học, tự nghiên cứu thì sinh viên mới có thể hoàn thiện được những tri thức khoa học và đời sống xã hội, từ đó có thể tự tin trong công việc và cuộc sống [2], [3]. Trong điều kiện học tập ở nhà trường như nhau nhưng kết quả học tập của sinh viên khác nhau rõ rệt, điều đó phần lớn là do khả năng tự học của mỗi sinh viên. Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là những giáo viên tương lai làm công tác chăm sóc và giáo dục trẻ thơ từ 0 đến 6 tuổi - lứa tuổi mà sự trưởng thành về cơ thể, phát triển trí tuệ, tình cảm, xã hội rất nhanh và nhạy cảm. Công việc của họ cần phải khéo léo, dịu dàng, chu đáo, tỉ mỉ, có trách nhiệm cao để giúp trẻ hình thành và phát triển nhân cách. Muốn trở thành giáo viên mầm non giỏi trong tương lai thì đòi hỏi sinh viên phải có tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu để có được tri thức, kỹ năng vững chắc phục vụ nghề nghiệp sau này của chính họ. Vì vậy, ngoài việc học trên lớp thì việc tự học của sinh viên là vấn đề hết sức quan trọng.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Để tìm hiểu những khó khăn tâm lý trong việc tự học của sinh viên khoa Giáo dục Mầm non, trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, chúng tôi tiến hành điều tra 200 sinh viên với số lượng chia đều từ năm thứ nhất đến năm thứ tư.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu khó khăn tâm lý trong hoạt động tự học của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non trên 3 nội dung cơ bản của hoạt động tự học đó là Khó khăn trong

việc đọc sách; Khó khăn trong việc tự ghi chép; Khó khăn trong tìm kiếm các nguồn tài liệu học tập. Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp quan sát, phương pháp phỏng vấn. Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. Chỉ số Cronbach's Alpha của bảng hỏi là 0,812. Với chỉ số này cho thấy bảng hỏi có độ tin cậy tốt.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khó khăn trong việc đọc sách của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non

Đối với sinh viên, đọc sách một cách thường xuyên và khoa học thì kiến thức của họ sẽ không ngừng mở rộng, nâng cao, tiếp cận được sự phát triển của khoa học, bồi dưỡng được năng lực tư duy logic, phương pháp làm việc khoa học, lòng yêu nghề, hình thành thế giới quan khoa học đúng đắn. Do vậy, việc hình thành thói quen đọc sách, bồi dưỡng hứng thú, năng lực và tự học suốt đời cho sinh viên là hết sức quan trọng. Hiện nay, các nguồn tài liệu vô cùng phong phú như sách in, giáo trình, sách điện tử, báo chí, Internet,... đều có ích cho người học. Để lựa chọn tài liệu học tập, cũng như đọc và nắm được nội dung cơ bản của tài liệu học tập, sinh viên cần phải trang bị cho mình những kỹ năng cần thiết khi làm việc với sách và rèn luyện chúng thường xuyên trong suốt quá trình học tập.

Bảng 1. *Khó khăn trong việc đọc sách của sinh viên Khoa GDMN*

| | Khó khăn trong việc đọc sách | ĐTB | ĐLC |
|----|--|------------|------------|
| 1 | Chỉ đọc phần quan trọng, gắn với nhiệm vụ của bài tập | 3,46 | 0,96 |
| 2 | Chưa biết cách đặt câu hỏi trước và trong khi đọc | 3,11 | 1,03 |
| 3 | Không xác định chủ đề của phần, chương và của cả tài liệu | 3,36 | 0,92 |
| 4 | Khó khăn trong xác định mối liên hệ giữa các nội dung của tài liệu | 3,29 | 0,92 |
| 5 | Chưa biết cách đọc và gạch chân những từ khóa | 3,58 | 0,96 |
| 6 | Ít chuẩn bị tâm thế khi đọc sách | 3,30 | 1,03 |
| 7 | Khó khăn trong việc liên tưởng đến các kiến thức đã học | 3,51 | 0,93 |
| 8 | Khó khăn trong tìm kiếm ý chính khi đọc | 3,66 | 0,86 |
| 9 | Khó khăn trong việc đọc kết hợp với ghi chép | 3,59 | 0,91 |
| 10 | Chưa biết tận dụng đồ dùng hỗ trợ khi đọc như: bút, giấy, máy tính, ánh sáng | 3,83 | 1,00 |

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; $1 < ĐTB < 5$

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy, khó khăn của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non trong việc đọc sách là tương đối cao. Sinh viên gặp khó khăn ở mức độ “thường xuyên”, “rất thường xuyên” khá nhiều với tỉ lệ phần trăm lần lượt là 63,7%, 58,3%, 59,4%. Khi thực hiện các hành động đọc sách như “sử dụng đồ dùng hỗ trợ khi đọc như: bút, giấy, máy tính, “tìm kiếm ý chính khi đọc”, “đọc kết hợp với ghi chép” sinh viên gặp khó khăn ở mức độ cao với ĐTB lần lượt = 3,83; 3,66; 3,59. Thực tiễn cho thấy, mỗi cuốn sách có rất nhiều vấn đề và người đọc cần có kỹ năng đọc, chọn lọc như thế nào để nắm được nội dung chính cũng như cấu trúc của cả cuốn sách. Việc tìm kiếm các ý chính khi đọc, đọc kết hợp với ghi chép sẽ giúp cho sinh viên có thể dễ dàng nắm bắt nhanh các nội dung. Về sau, khi cần, người học chỉ đọc nó là đủ, không phải đọc lại toàn bộ cuốn sách trước đây nữa, tiết kiệm được rất nhiều thời gian cho công việc.

“*Chuẩn bị tâm thế khi đọc sách*” là hành động quan trọng, tạo động lực và hứng thú cho sinh viên khi đọc, tuy nhiên, số lượng sinh viên gặp khó khăn khi thực hiện hành động này khá cao ($ĐTB = 3,30$. $ĐLC = 1,03$) Điều này khiến cho sinh viên hiếm khi xác định mục đích khi đọc, sử dụng toàn bộ tâm trí, năng lượng khi đọc sách cũng như dễ dàng bỏ dở giữa chừng. Việc sẵn sàng khi đọc như chủ động tạo khoảng thời gian thích hợp với tâm trạng thoải mái nhất khi đọc, cũng như những lúc cảm thấy tập trung nhất; tìm nơi yên tĩnh, chuẩn bị những đồ dùng cần thiết giấy, bút,... và sẵn sàng nắm bắt các nội dung trong cuốn sách đem đến tinh thần tập trung cao độ và tiếp nhận nội dung hiệu quả hơn.

Khó khăn trong việc “*Liên tưởng đến những kiến thức đã học khi đọc*” ($ĐTB = 3,51$. $ĐLC = 0,93$) “*tìm mối liên hệ giữa các nội dung của tài liệu*” ($ĐTB = 3,29$. $ĐLC = 0,92$) khiến sinh viên khó nắm bắt nội dung logic và ghi nhớ lâu, từ đó khó gắn kết các nội dung của bài học, khó giúp sinh viên hiểu sâu sắc một nội dung học tập cụ thể nào đó.

Kết quả thu được ở bảng trên còn cho thấy, mức độ khó khăn của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non thể hiện khá cao trong việc “*Đặt câu hỏi trước và trong khi đọc*”; “*đọc và gạch chân những từ khóa*”, “*xác định chủ đề của phần, chương và của cả tài liệu*” “*Chỉ đọc phần cho là quan trọng, gắn với nhiệm vụ của bài tập*”. Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ quan niệm của sinh viên sư phạm hiện nay: chỉ đọc những tài liệu có liên quan đến việc kiểm tra, thi cử. Phần lớn sinh viên chưa chịu khó đào sâu kiến thức hoặc hứng thú với các nội dung liên quan. Sinh viên chưa chủ động trong việc nắm bắt nội dung của tài liệu. Thực tiễn cho thấy trong giảng dạy, giảng viên thường cung cấp nhiều danh mục tài liệu tham khảo cho sinh viên nhưng rất ít giảng viên chịu khó hướng dẫn sinh viên cách đọc hoặc ghi chép tài liệu cách hiệu quả. Sinh viên phải chịu trách nhiệm tìm kiếm và quyết định sẽ đọc gì. Do vậy, sinh viên thường không biết hoặc ít chú ý đến việc đặt câu hỏi khi đọc sách, chưa biết từ nào là từ “đắt” nhất của tài liệu để gạch chân, ghi nhớ. Những khó khăn kể trên sẽ cản trở sinh viên định hướng quá trình đọc cũng như tự mình tìm hiểu, giải đáp các thắc mắc chưa hiểu và từ đó việc nắm được nội dung trong sách đầy đủ cũng không dễ dàng. Sinh viên cũng khó nhận diện được vấn đề mình còn chưa biết từ đó không có cơ hội khắc sâu và bổ sung kiến thức cho mình.

Nhìn chung, kết quả điều tra cho thấy sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non còn gặp khó khăn đối với việc đọc sách. Do vậy, trang bị, rèn luyện kỹ năng đọc sách hiệu quả cho sinh viên là vấn đề cấp thiết. Qua đó, sách không chỉ mang đến cho sinh viên tri thức mà là người bạn chân thành theo họ trong cả cuộc đời.

3.2. Khó khăn trong việc ghi chép sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non

Quá trình nghiên cứu tài liệu, đọc sách luôn gắn liền với việc ghi chép. Để nắm được nội dung học tập trên lớp cũng như làm tài liệu học sau này, việc ghi chép có ý nghĩa quan trọng đối với sinh viên. Việc ghi chép thể hiện kết quả thu nhận kiến thức, đồng thời sẽ giúp sinh viên nhớ lâu hơn các kiến thức học được. Ghi chép bài một cách hiệu quả sẽ giúp sinh viên có thêm tài liệu để tham khảo quan trọng khi tự học và nắm được ý chính của nội dung học cách mạch lạc.

Bảng 2. *Khó khăn trong việc ghi chép của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non*

| STT | Khó khăn trong việc ghi chép | ĐTB | ĐLC |
|-----|--|------|------|
| 1 | Chưa biết cách chọn lọc khi ghi chép | 3,88 | 2,44 |
| 2 | Khó khăn trong việc ghi tóm lược kiến thức trong tài liệu theo ngôn ngữ của mình | 3,57 | 0,98 |
| 3 | Chưa biết đánh dấu những nội dung quan trọng bằng cách sử dụng bút màu, bút highlight... | 3,57 | 0,95 |
| 4 | Khó khăn khi lập dàn ý cho một vấn đề tự học | 3,01 | 1,02 |
| 5 | Khó khăn trong việc ghi chép toàn bộ nội dung bài giảng của giáo viên | 3,91 | 2,26 |
| 6 | Ít ghi chép lại những câu hỏi và giải đáp được thảo luận trong bài giảng ở lớp | 3,81 | 3,22 |
| 7 | Ít ghi chép có ghi chú những vấn đề thắc mắc, chưa rõ để tìm hiểu, hỏi lại sau | 3,70 | 0,94 |
| 8 | Chưa biết ghi chép sơ đồ hóa ngay trên lớp | 3,09 | 1,05 |

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; $1 < ĐTB < 5$

Với số liệu thu được từ bảng trên có thể thấy: Kỹ năng ghi chép của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non còn nhiều hạn chế, vì vậy, các em gặp khá nhiều khó khăn trong việc lưu lại thông tin bài học.

Trước hết, sinh viên gặp khó khăn trong việc chọn lọc những ý quan trọng để ghi lại từ bài giảng của giảng viên, “*Khó khăn trong việc ghi chép toàn bộ nội dung bài giảng của giáo viên*” (ĐTB = 3,91; ĐLC = 2,26) “*chưa biết cách chọn lọc khi ghi chép*” (ĐTB = 3,88; ĐLC = 2,44). Điều này cho thấy, phần lớn sinh viên chỉ biết ghi chép cách máy móc mọi câu từ trong bài giảng. Tuy nhiên, với tốc độ giảng bài của giảng viên, sinh viên không thể ghi chép kịp. Sinh viên thiếu khả năng đánh giá một cách nhanh chóng để biết đâu là điểm quan trọng cần ghi chép, chưa biết dựa vào ngôn ngữ của giảng viên để nhận diện các ý quan trọng nhất trong nội dung bài giảng. Điều này dễ làm cho sinh viên càng mất tự tin và giảm hẳn hiệu quả ghi chép bài.

Hành động “*ghi tóm lược kiến thức trong tài liệu theo ngôn ngữ của mình*” là hành động mà sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non gặp nhiều khó khăn (ĐTB = 3,91; ĐLC = 2,26). Ghi chép là kỹ năng khá quen thuộc với sinh viên, đã được hình thành ở bậc học phổ thông, tuy nhiên, việc ghi chép lại bài giảng của giảng viên ở bậc Đại học bằng ngôn ngữ của bản thân lại đòi hỏi phải có vốn ngôn ngữ ổn định, đặc biệt là ngôn ngữ chuyên ngành. Chính vì vậy, khá nhiều sinh viên đã gặp khó khăn khi cố gắng suy nghĩ, khái quát vấn đề để ghi chép và ghi bằng chính vốn ngôn ngữ của mình.

Bên cạnh đó, khó khăn của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non còn thể hiện ở: “*ghi chép lại những câu hỏi và giải đáp được thảo luận ở lớp*” (ĐTB = 3,57; ĐLC = 0,98), “*ghi chép có ghi chú những vấn đề thắc mắc, chưa rõ để tìm hiểu, hỏi lại sau*” (ĐTB = 3,70; ĐLC = 0,94) “*đánh dấu những nội dung quan trọng bằng cách sử dụng bút màu, bút highlight...*” (ĐTB = 3,57; ĐLC = 0,95). Kỹ năng ghi chép bài học trên lớp của sinh viên gặp nhiều khó khăn nên quá trình chỉnh lý lại bài ghi, bổ sung nội dung chưa được

đa số sinh viên thực hiện. Lắng nghe ghi chép bài vở đầy đủ nhưng điều quan trọng là người học cần xem lại, chỉnh sửa, bổ sung, ôn tập thì kiến thức mới ghi nhớ lâu.

Trong thực tế, rất ít sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng này, quan sát khả năng ghi chép của sinh viên trong các giờ học, chúng tôi nhận thấy, chỉ một vài sinh viên chăm học, tích cực, chủ động mới ghi chép bài giảng đầy đủ. Một số sinh viên lại không hề ghi chép bài học, sinh viên thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để chụp lại một số nội dung được giảng viên chiếu trên màn hình hoặc viết trên bảng. Thực trạng này tạo ra sự lười biếng, sự chây lười của một bộ phận sinh viên, tạo ra trở ngại lớn cho hoạt động tự học.

Trong khi ghi chép, kỹ năng hệ thống các ý một cách khoa học cũng đóng vai trò quan trọng. Ghi chép bài giảng cách hệ thống giúp sinh viên tiết kiệm thời gian cách hiệu quả khi thực hiện hoạt động tự học. Trong ghi chép, việc viết dàn ý, lập sơ đồ hóa như sơ đồ cây, mindmap,... đem lại những hiệu quả cho sinh viên như giúp nội dung bài học có tính logic, chặt chẽ, liên kết được các nội dung bài học. Đây chính là phương pháp ghi chép tích cực cần sử dụng suy nghĩ tập trung cao độ khi kết hợp lắng nghe bài giảng và ghi chép bài trên lớp. Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy, có khá nhiều sinh viên đã cố gắng thực hiện kỹ năng “lập dàn ý, sơ đồ hóa cho vấn đề tự học” (ĐTB = 3,01; ĐLC = 1,02), “ghi chép sơ đồ hóa ngay trên lớp” (ĐTB = 3,09; ĐLC = 1,05) và mức độ khó khăn họ gặp thấp hơn các hành động khác của kỹ năng ghi chép.

Nhìn chung, đối với kỹ năng ghi chép, chỉ một số ít sinh viên thực hiện thành thạo và có các kỹ năng phù hợp với cách thức học ở đại học. Nhưng để ghi chép như thế nào để hệ thống hóa nội dung ghi chép, và sử dụng lập sơ đồ, bảng biểu; chỉnh lý lại bài ghi thì sinh viên chưa thực hiện nhiều. Đó là nguyên nhân dẫn đến việc xem lại bài ghi, cũng như để ghi nhớ khó khăn và hiệu quả tự học không cao.

3.3. Khó khăn trong tìm kiếm nguồn tài liệu học tập của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non

Ở bậc đại học, để đạt kết quả cao trong học tập, sinh viên phải tìm kiếm thông tin, tự học với tài liệu để nâng cao kiến thức cho bản thân. Tuy nhiên, với kho thông tin khổng lồ và các hình thức tìm kiếm phong phú, sinh viên cần khai thác các nguồn tài liệu hiệu quả để hỗ trợ cho học tập.

Bảng 3. Khó khăn trong tìm kiếm các nguồn tài liệu học tập của sinh viên khoa GDMN

| STT | Khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu học tập | ĐTB | ĐLC |
|-----|---|------|------|
| 1 | Ngại hỏi mượn tài liệu học tập của giáo viên | 3,89 | 0,95 |
| 2 | Chưa biết cách tìm tài liệu học tập ở trung tâm học liệu | 3,04 | 1,18 |
| 3 | Khó khăn trong tìm tài liệu học tập ở thư viện của khoa, trường | 3,01 | 1,11 |
| 4 | Không có khả năng mua tài liệu học tập cần thiết | 3,93 | 0,99 |
| 5 | Ít trao đổi tài liệu học tập với bạn bè | 3,56 | 0,95 |
| 6 | Sử dụng Internet để tìm kiếm tài liệu học tập chưa hiệu quả | 3,98 | 1,08 |

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; $1 < \text{ĐTB} < 5$

Internet là kho kiến thức của nhân loại. Tuy nhiên, với kho kiến thức khổng lồ như vậy, nếu sinh viên chưa xác định rõ mục đích tìm kiếm thông tin rõ ràng thì chắc chắn họ sẽ gặp khó khăn. Xu hướng tìm kiếm tư liệu học tập bằng cách sử dụng mọi thứ tìm được trên mạng mà không kiểm chứng nguồn gốc, độ tin cậy, giá trị của tài liệu đang ngày càng phổ biến. Nhưng với sự tiện ích của Internet để tra cứu, tìm kiếm tài liệu để học tập thì sinh viên dễ mất tập trung, sa đà vào các kênh giải trí làm sao nhãng việc học tập. Với kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 3 cho thấy rằng, đa số sinh viên “*Sử dụng Internet để tìm kiếm tài liệu học tập*”, tỉ lệ phần trăm sinh viên gặp khó khăn ở mức độ “*thường xuyên*”, “*rất thường xuyên*” khá cao lần lượt là 78,2%, 54,3%. Kết quả này cho thấy, bên cạnh ưu điểm và lợi ích của việc tìm kiếm tài liệu internet để tìm kiếm tài liệu học tập, phần lớn sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non còn gặp nhiều khó khăn khi sử dụng kênh thông tin này.

Dữ liệu điều tra cũng cho thấy, nhiều sinh viên gặp khó khăn khi “*hỏi mượn tài liệu học tập của giáo viên*”; “*Không có khả năng mua tài liệu học tập cần thiết*” với ĐTB = 3.89; 3.93. (tỉ lệ sinh viên gặp khó khăn “*thường xuyên*” và “*rất thường xuyên*”, lần lượt là 75,5 % và 54,7% ; 67,1% và 82%). Thực tế cho thấy, đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, ngay khi bắt đầu mỗi học phần giảng viên đều cung cấp cho sinh viên về tài liệu học tập: tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo,... Với các giáo trình, sinh viên dễ dàng tìm được ở thư viện, hiệu sách, song với những tài liệu tham khảo, chuyên khảo chuyên sâu, cách tốt nhất là sinh viên cần hỏi mượn ở giảng viên. Thế nhưng, do tâm lí e ngại, sinh viên không dám hỏi mượn tài liệu của giảng viên. Bên cạnh đó, tất cả giáo trình, sách tham khảo đều là sách photocopy. Do vậy, sinh viên không có kinh phí để mua thêm tài liệu học tập do giảng viên yêu cầu.

“*Lên thư viện của trường, khoa để tìm tài liệu học tập*”, “*Tìm tài liệu học tập ở trung tâm học liệu*” (ĐTB = 3,01; 3.04) là kênh tìm kiếm được sinh viên quan tâm. So với các khó khăn khác, thì việc tìm kiếm tài liệu ở khoa, trường, trung tâm học liệu tỏ ra là những kênh thông tin được sinh viên sử dụng nhiều nhất trong hoạt động tự học. Thư viện có khá nhiều tài liệu chuyên ngành, tài liệu chuyên khảo, luận án, luận văn và nhiều nguồn tài liệu phong phú. Sinh viên dễ dàng tìm kiếm và mượn được sách để đọc. Nhìn chung khá nhiều sinh viên tích cực đi thư viện mượn sách hơn so với tìm kiếm tài liệu ở các nguồn khác. Và đây là dấu hiệu tích cực cũng như cho thấy việc tự giác, chủ động tìm kiếm tài liệu học tập của sinh viên, do đó nhà trường cần hỗ trợ về phòng đọc và các nguồn sách phong phú để tạo điều kiện cho sinh viên tham khảo. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên gặp khó khăn “*Thường xuyên*” và “*rất thường xuyên*” khi đến thư viện khoa, trường hay trung tâm học liệu để tìm tài liệu học tập (21,2%). Điều này cho thấy, sinh viên vẫn chưa thực sự mạnh dạn, tích cực trong việc tìm kiếm các nguồn tài liệu. Do vậy, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần giới thiệu các giáo trình, sách tham khảo, chuyên ngành phục vụ cho môn học có ở thư viện.

Với sinh viên, hoạt động tự học chỉ thực sự chỉ đạt hiệu quả khi họ biết cùng nhau chia sẻ thông tin, những vấn đề nảy sinh trong hoạt động tự học qua nhiều hình thức: thảo luận nhóm, làm bài tập,... việc chia sẻ thông tin, giúp sinh viên có thêm nhiều nguồn tài

liệu phong phú, quý giá, bổ sung thêm những kiến thức bổ ích. Qua số liệu điều tra thu được từ bảng 3 cho thấy, sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non đã tích cực tìm kiếm nguồn tài liệu từ việc trao đổi, hỏi mượn từ bạn bè, tuy nhiên, còn nhiều sinh viên gặp khó khăn trong hành động này (ĐTB = 3,56). Điều này cho thấy, mối liên hệ hợp tác giữa sinh viên với bạn bè cùng lớp, khối và cùng khoa còn lỏng lẻo. Khó khăn hoặc chưa biết cách trao đổi kinh nghiệm, tài liệu học tập lẫn nhau sẽ gây lãng phí nguồn tài liệu, làm giảm đáng kể hiệu quả hoạt động tự học. Hiện nay, Liên chi đoàn Khoa Giáo dục Mầm non đang có những hoạt động thiết thực giúp sinh viên có cơ hội trao tặng và nhận tài liệu học tập lẫn nhau.

4. KẾT LUẬN

Hoạt động tự học của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế còn rất nhiều khó khăn về tâm lý. Qua điều tra cho thấy, sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non vẫn còn thụ động trong học tập, chỉ quen với việc tiếp thu kiến thức được truyền đạt, nên không thấy được vai trò to lớn của vấn đề tự học và tự rèn luyện. Chính vì ý thức về tự học còn hạn chế, nên sinh viên cũng chưa rèn luyện cho mình phương pháp tự học và kỹ năng tự học cần thiết. Đặc biệt, sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non còn gặp nhiều khó khăn trong việc đọc sách, ghi chép, tìm kiếm tài liệu học tập.

Để giảm thiểu khó khăn tâm lý trong hoạt động tự học của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau:

Thứ nhất, cần tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền cho sinh viên về sự cần thiết của hoạt động tự học cũng như ý thức rèn luyện kỹ năng tự học ở bậc đại học

Thứ hai, Khoa cần tăng cường tổ chức buổi trao đổi, tọa đàm về phương pháp tự học hiệu quả qua đó giúp sinh viên định hướng phương pháp tự học cho bản thân đúng đắn và khoa học.

Thứ ba, Trong quá trình giảng dạy giảng viên cần giúp sinh viên các kiến thức về kỹ năng về khai thác, xử lý và ứng dụng các thông tin trên internet; kỹ năng đọc sách; kỹ năng ghi chép hiệu quả trong học tập đại học.

Thứ tư, Nhà trường cần có các phòng để sinh viên tự học, có hệ thống nối mạng tốt để sinh viên thuận lợi trong tra cứu tài liệu, xây dựng môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động tự học ở sinh viên.

Thứ tư, Tăng cường các hình thức nghiên cứu khoa học nhóm ở sinh viên như bài thảo luận nhóm, bài tập lớn, tiểu luận, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa, trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Trọng Luận (1995). Tự học - một chìa khoá vàng của giáo dục. *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, Số 2.
- [2] Nguyễn Minh Lý (2015). *Một số vấn đề về tự học*. Bài giảng bồi dưỡng cán bộ quản lý mầm non, Tập 4.

- [3] Nguyễn Thu Nga (2003). *Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tự học cho sinh viên khoa Tiểu học trường Cao đẳng cộng đồng Hà Tây*. Luận văn Thạc sỹ Giáo dục học.
- [4] Hoàng Thị Quý (2015). *Khó khăn trong hoạt động học tập của sinh viên người dân tộc Chăm tại trường Cao đẳng sư phạm Ninh Thuận*. Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.

Title: THE DIFFICULTIES IN SELF-EDUCATED ACTIVITIES OF STUDENTS OF PRE-SCHOOL EDUCATION DEPARTMENT AT UNIVERSITY OF EDUCATION, HUE UNIVERSITY

Abstract: At University level, self-study plays a significant role for the result and quality of student learning. However, in self-study process, students have met many difficulties for searching learning materials, recording skills, reading skills, determining the fundamental issue in the book. A research on 200 students of Pre-school education Department, University of Education, Hue University has shown that psychological difficulty in self-study activities is relatively high because of many reasons. Based on the result of this research, the author suggests some solutions to help students reduce their psychological difficulty and at the same time contribute to increasing the quality learning of students of Pre-school education Department.

Keywords: self- educated activities, the difficulties in self- educated activities